

Số: /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án khai thác, chế biến đá xây dựng mỏ đá Tây núi Cô Lô 1 tại xã
Công Hải, tỉnh Khánh Hòa của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất
Thương mại Đại Phú Hào**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây);

Căn cứ Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Đại Phú Hào tại các Văn bản số 05.09/ĐPH ngày 05 tháng 9 năm 2025 về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án; Văn bản số 03-09/Cty-ĐPH ngày 3/9/2025 về việc cam kết nội dung về Chương trình giám sát môi trường của dự án và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 314/TTr-SNNMT-CCKSBVMT ngày 24 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác, chế biến đá xây dựng mỏ đá Tây núi Cô Lô 1 (*sau đây gọi tắt là Dự án*) của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Đại Phú Hào (*sau đây gọi tắt là Chủ dự án*) thực hiện tại xã Công Hải, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹ chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính đầy đủ, hợp lý, hợp pháp của hồ sơ này; đồng thời, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ động theo dõi việc thực hiện Quyết định này để kịp thời xử lý các nội dung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Công Hải; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Đại Phú Hào và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh (Lê Huyền);
- Quỹ BVMT tỉnh;
- UBND xã Công Hải;
- VPUB: LĐVP, KTTH;
- Lưu: VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Huyền

¹ Theo Quyết định số 165/QĐ-SNNMT ngày 21/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
Khai thác, chế biến đá xây dựng mỏ đá Tây Núi Cô Lô 1
TẠI XÃ CÔNG HẢI, TỈNH KHÁNH HÒA CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI ĐẠI PHÚ HÒA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác, chế biến đá xây dựng mỏ đá Tây núi Cô Lô 1.
- Địa điểm thực hiện: xã Công Hải, tỉnh Khánh Hòa.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Đại Phú Hòa.
- Địa chỉ liên hệ: 102/08/07 Đường Lê Duẩn, Phường Bảo An, tỉnh Khánh Hòa.

1.2. Quy mô, công suất:

a) Quy mô dự án:

Tổng diện tích là 18,9223 ha, trong đó: khu vực khai thác 15,5694 ha, khu vực mặt bằng sân công nghiệp 3,3529 ha được khống chế bởi các điểm khép góc có tọa độ như sau:

Bảng 1: Tọa độ các điểm khép góc khu vực khai thác

Điểm góc	Tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 108°15', múi 3°	
	X (m)	Y (m)
M1	1304847	589655
M2	1304841	589764
M3	1304913	589883
M4	1304933	590197
M5	1304583	590083
M6	1304452	589825

Bảng 2: Tọa độ các điểm khép góc khu vực mặt bằng sân công nghiệp

Điểm góc	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°15', múi 3°	
	X (m)	Y (m)
M7	1304 263	589 894
M8	1304 317	590 001
M9	1304 034	590 119
M10	1304 021	589 999

b) Công suất:

- Công suất khai thác đá xây dựng: 600.000 m³ nguyên khối/năm tương đương 885.000 m³ đá nguyên khai/năm, với hệ số nở ròi là 1,475.

- Công suất khai thác khoáng sản đi kèm (đất tầng phủ) làm vật liệu san lấp: 142.485 m³ nguyên khối/năm (tương đương 164.285 m³ nguyên khai/năm); năm thứ 2 đến năm thứ 3: 150.000m³ nguyên khối/năm (tương đương 172.950m³ nguyên khai/năm); năm thứ 4 đến năm thứ 6: 25.000m³ nguyên khối/năm (tương đương 28.825m³ nguyên khai/năm).

- Công suất chế biến đá xây dựng: 600 tấn/giờ.

c) Thời gian hoạt động của dự án: 12 năm (chưa bao gồm thời gian đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường).

1.4. Công nghệ khai thác, chế biến:

- Công nghệ khai thác:

+ Khai thác đá xây dựng: sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai phi điện; khai thác theo lớp bằng, riêng những vị trí không áp dụng được hệ thống khai thác lớp bằng thì khai thác theo lớp xiên; sử dụng máy xúc thủy lực gàu ngược xúc trực tiếp lên ô tô vận chuyển về khu chế biến tại mặt bằng sân công nghiệp.

+ Khai thác khoáng sản đi kèm (đất tầng phủ): đào xúc đất bằng máy xúc thủy lực gàu ngược lên ô tô vận chuyển và vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

- Công nghệ chế biến: sử dụng 02 trạm nghiền sàng để nghiền sàng đá có công suất 250 tấn/giờ và 350 tấn/giờ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

a) Các hạng mục công trình của dự án:

- Khai trường khai thác có diện tích 15,5694 ha.

- Khu vực mặt bằng sân công nghiệp có diện tích 3,3529 ha bao gồm: khu văn phòng, hai (02) trạm nghiền sàng, bãi chứa tạm, trạm cân, hồ lắng,...

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

+ Một (01) bể tự hoại 03 ngăn tại khu nhà văn phòng dung tích 5,184 m³ và 01 hồ thu nước thải sau xử lý dung tích 2,352 m³.

+ Một (01) hồ lắng trong khu vực sân công nghiệp có dung tích 1.080 m³, đáy hồ có phủ bạt chống thấm HDPE 0,3 mm.

+ Hai (02) hệ thống phun nước dập bụi tại hai (02) trạm nghiền sàng đá công suất 250 tấn/giờ và 350 tấn/giờ (trong đó mỗi hệ thống gồm có: 01 bồn chứa nước dung tích 10 m³; 01 mô tơ bơm nước công suất 2,2 kW/bơm; lắp đặt 07 vòi phun nước bằng nhựa (có đục lỗ đường kính 27 mm, dài từ 6 - 18 m) tại: hàm sơ cấp, hàm thứ cấp, hàm côn và các đầu băng tải).

+ Một (01) kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 9,0 m².

+ Một (01) xe bồn chuyên dụng để phun nước dập bụi có dung tích bồn chứa nước 10 m³.

b) Các hoạt động của dự án:

- Phát quang cây cối.
- Khai thác khoáng sản đi kèm bằng máy xúc thủy lực gầu ngược.
- Khai thác đá tại khai trường bằng phương pháp khoan nổ mìn; nghiền sàng đá.
- Xúc bốc, vận chuyển đá bằng ô tô từ khai trường đến sân công nghiệp và xúc bốc vận chuyển đá thành phẩm, khoáng sản đi kèm đi tiêu thụ.
- Kết thúc khai thác và tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường khu vực Dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, cụ thể: Dự án thuộc vùng đệm Khu dự trữ sinh quyển thế giới Núi Chúa đã được Tổ chức Giáo dục, Văn hóa và Khoa học của Liên hợp quốc công nhận (*tại kỳ họp lần thứ 33 Hội đồng Điều phối Quốc tế Chương trình Con người và Sinh quyển diễn ra từ ngày 13-17/9/2021 tại Abuja, Nigeria*).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Chủ yếu phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn (*rác thải sinh hoạt, thực vật thải, ...*), nước thải sinh hoạt, chất thải nguy hại trong hoạt động khai thác, chế biến, vận chuyển, cải tạo, phục hồi môi trường tác động đến môi trường xung quanh.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 4,125 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, Phosphat (tính theo P), tổng Coliforms.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khai thác khoáng sản đi kèm (bóc tầng phủ), khoan lỗ mìn, nổ mìn, vận chuyển, chế biến đá,... Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, CO, NO₂...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên tại Dự án khoảng 15 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: hộp đựng thức ăn, bao bì và thức ăn thừa.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng (lượng sinh khối thực vật trên diện tích chưa phát quang của dự án) khoảng $9,3 \text{ m}^3/\text{đợt}$, gồm 10 đợt. Thành phần chủ yếu: thực vật thải.

- Khối lượng đất tăng phủ sử dụng trong quá trình cải tạo phục hồi môi trường 1.188 m^3 được lưu chứa tại bãi chứa.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại: phát sinh từ quá trình vận hành Dự án khoảng 927 kg/năm . Thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải, bóng đèn, pin, ắc quy thải...

3.3. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh từ hoạt động khoan lỗ mìn, nổ mìn, chế biến, xúc bốc, vận chuyển....

3.4. Các tác động khác:

- Tác động đến khu dân cư hiện trạng xung quanh Dự án do quá trình khai thác và vận chuyển khoáng sản, chủ yếu bụi, tiếng ồn.

- Hoạt động vận chuyển khoáng sản làm gia tăng mật độ giao thông trên địa bàn làm tăng nguy cơ mất an toàn giao thông, giảm chất lượng đường vận chuyển từ Dự án ra Quốc lộ 1A.

- Rủi ro, sự cố do sạt lở bờ moong trong hoạt động Dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn dung tích $5,184 \text{ m}^3$ sau đó dẫn về hồ thu dung tích $2,352 \text{ m}^3$. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B) và chảy ra hồ lắng phía Tây Nam khu vực sân công nghiệp để tận dụng phục vụ các hoạt động trong khuôn viên Dự án. Kể từ ngày 01/01/2032, nước thải sau xử lý phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột B).

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt bảo đảm đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B); QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột B).

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý khí thải:

- Tiếp tục duy trì hệ thống phun nước dập bụi tại tổ hợp nghiền sàng 250 tấn/giờ đã lắp đặt và lắp đặt hệ thống phun nước chống bụi tại trạm nghiền 350 tấn/giờ ngay khi lắp đặt trạm nghiền 350 tấn/giờ . Quy trình phun nước dập bụi như sau: đá nguyên liệu trước khi đưa vào chế biến được phun nước tạo ẩm; nước từ bồn chứa được bơm cấp cho 07 béc phun để phun dập bụi và tạo ẩm cho đá thành phẩm tại các vị trí của trạm nghiền sàng đá (gồm: trước khi vào hàm nhai

của máy nghiền sơ cấp, trước khi vào hàm nhai của máy nghiền thứ cấp, tại hàm côn trước khi vào hệ thống sàng, tại 4 đầu băng tải đá 0x4, đá 4x6, đá 1x2, đá mi).

- Tiếp tục duy trì hệ thống cây xanh đã trồng xung quanh khu chế biến với tổng số 542 cây và trồng dặm bổ sung hàng năm khi cây bị chết (nếu có).

- Sử dụng một (01) xe bồn chuyên dụng có dung tích bồn chứa nước 10,0m³ để phun nước dập bụi trên tuyến đường vận chuyển nội mỏ và từ Dự án ra đến Quốc lộ 1A với tần suất 4 - 6 lần/ngày.

- Bố trí người điều phối máy móc thiết bị khai thác và phương tiện vận chuyển để hạn chế tập trung làm việc cùng lúc dẫn đến hiện tượng cộng hưởng của bụi và khí thải phát sinh; bố trí công nhân thường xuyên vệ sinh thu gom đất, cát rơi vãi (nếu có) trên tuyến đường vận chuyển từ Dự án ra Quốc lộ 1A.

- Xe vận chuyển đá nguyên khai, đá thành phẩm và khoáng sản đi kèm đi tiêu thụ phải có bạt che kín thùng xe tránh đất đá rơi vãi, bụi theo gió thốc lên và tạt ra xung quanh; vận chuyển đúng tải trọng xe, không được chở quá tải trọng quy định.

- Máy móc, trang thiết bị khai thác sử dụng nhiên liệu theo quy định của nhà sản xuất; định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo quy định.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt: được thu gom, phân loại vào các thùng rác có dung tích 100 lít và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường: bố trí bãi chứa diện tích 4.000 m² trong khu vực sân công nghiệp để lưu chứa khối lượng đất tầng phủ phục hồi môi trường; thu gom thực vật thải và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn nguy hại: được thu gom, phân loại, lưu chứa trong kho lưu chứa chất thải nguy hại và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Yêu cầu bảo vệ môi trường: tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

- Sử dụng các loại thiết bị, máy móc đúng công suất thiết kế đã nêu trong báo cáo và thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật đúng định kỳ theo quy định.

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân thường xuyên làm việc tại những nơi có độ ồn cao.

- Tuân thủ việc thực hiện nổ mìn theo đúng nội dung, điều kiện sử dụng tại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp được cấp.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án. Kể từ ngày 01/ 01/2026, Dự án phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

- Đối với khu vực khai trường: cải tạo thành hồ chứa nước, tạo hệ thống thoát nước với các khu vực bên ngoài; xây dựng kè bờ và cải tạo bờ moong, đưa các tầng kết thúc về trạng thái an toàn và đảm bảo kỹ thuật; xây dựng đê xung quanh moong đảm bảo ngăn súc vật và người; trồng cây xen dày xung quanh; lập hàng rào và biển báo xung quanh moong.

- Đối với khu vực mặt bằng sân công nghiệp: tháo dỡ và vận chuyển các hạng mục công trình, thiết bị không còn mục đích sử dụng ra khỏi khu vực; san gạt mặt bằng và trồng cây neem trên toàn bộ diện tích này với mật độ 1.100 cây/ha; xây dựng hệ thống mương thoát nước xung quanh.

- Các công trình phục hồi khác: san gạt toàn bộ tuyến đường từ khu vực nhà máy chế biến đến ranh giới moong khai thác.

b) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

STT	Công tác	ĐVT	Khối lượng theo báo cáo cấp phép môi trường	Khối lượng theo báo cáo ĐTM nâng công suất
I	Cải tạo moong khai thác			
1	Trồng cây neem xung quanh moong khai thác	cây	1.644	1.644
2	Trồng xương rồng gai quanh moong khai thác	m	1.653,00	1.653,00
3	Làm biển báo bê tông cốt thép hình chữ nhật; kích thước 0,6x0,6; 0,5x0,7m	cái	33,00	33,00

STT	Công tác	ĐVT	Khối lượng theo báo cáo cấp phép môi trường	Khối lượng theo báo cáo ĐTM nâng công suất
4	Củng cố bờ moong trong đất, đá phủ	m ³	2.520,00	2.520,00
5	Củng cố bờ moong trong đá gốc	m ³	150,00	150,00
	<i>Ủi gom đá đáy moong để xúc lên phương tiện vận chuyển</i>	m ³	150,00	150,00
	<i>Xúc đá hỗn hợp lên phương tiện vận chuyển</i>	m ³	150,00	150,00
	<i>Vận chuyển hỗn hợp đất đá từ moong ra khỏi khu vực khai thác</i>	m ³	150,00	150,00
6	Lắp công thoát nước			
	<i>Đào mương đặt ống</i>	m ³	540,00	540,00
	<i>Lắp ống bê tông ly tâm, Ø1000</i>	m	90,00	90,00
	<i>Đắp đất đường ống, K=0,85</i>	m ³	469,35	469,35
	<i>Bê tông đá 1*2, mác 200 tường hai đầu ống bê tông ly tâm</i>	m ³	5,06	5,06
7	Dọn dẹp đáy moong			
	<i>Ủi gom đá đáy moong để xúc lên phương tiện vận chuyển</i>	m ³	3.480,00	3.480,00
	<i>Xúc đá hỗn hợp lên phương tiện vận chuyển</i>	m ³	3.480,00	3.480,00
	<i>Vận chuyển hỗn hợp đất đá từ moong ra khỏi khu vực khai thác</i>	m ³	3.480,00	3.480,00
II	Sân công nghiệp			
1	Tháo dỡ khu cấp liệu			
	<i>Tháo dỡ hệ thống nghiền sàng</i>	tấn	30,00	70,00
	<i>San gạt cầu cạn</i>	m ³	9.631	19.262
	<i>Phá dỡ trạm biến áp</i>	tấn	0,20	0,20
	<i>Tháo dỡ trạm cân</i>	Trạm	1	1
2	Tháo dỡ công trình dân dụng			
	<i>Tháo dỡ kết cấu bê tông</i>	m ³	33,5	33,5
	<i>Tháo dỡ nền gạch chỉ</i>	m ²	98,6	98,6
	<i>Tháo dỡ cửa</i>	m ²	58,0	58,0
	<i>Tháo dỡ mái tôn</i>	m ²	669,0	669,0
	<i>Tháo dỡ bệ xí</i>	cái	4,00	4,00
3	San gạt mặt bằng sân công nghiệp	m ²	33.529	33.529
4	Phủ đất màu mặt bằng sân công nghiệp	m ³	16.764,5	16.764,5
5	San lấp hồ lắng tại mặt bằng sân công nghiệp	m ³	1.188	1.188
6	Trồng cây neem mặt bằng sân công nghiệp	cây	3.688	3.688
7	Vận chuyển thiết bị tháo dỡ ra khỏi mỏ			

STT	Công tác	ĐVT	Khối lượng theo báo cáo cấp phép môi trường	Khối lượng theo báo cáo ĐTM nâng công suất
	<i>Bốc thiết bị tháo dỡ lên phương tiện vận chuyển</i>	tấn	33,3788	75,5788
	<i>Vận chuyển thiết bị sau khi tháo dỡ</i>	tấn	33,3788	75,5788
	<i>Bốc thiết bị tháo dỡ lên phương tiện vận chuyển</i>	m ³	132,1	132,1
	<i>Vận chuyển thiết bị sau khi tháo dỡ</i>	m ³	132,1	132,1
	<i>Xây dựng mương thoát nước</i>	m ³	112,5	112,5
III	Cải tạo tuyến đường vận chuyển			
1	San gạt tuyến đường vận chuyển từ khu mỏ ra đến mặt bằng sân công nghiệp	m ²	1.900	1.900

c) Tiến độ cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Tên công trình	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
I	Khu vực moong khai thác				
1	Trồng cây neem xung quanh moong khai thác	cây	1.644	Bắt đầu từ năm thứ 1	1 tháng
2	Trồng xương rồng gai quanh moong khai thác	m	1.653	Sau khi KTKT - Bắt đầu từ tháng thứ 1 năm thứ 13 của Dự án	1 tháng
3	Làm biển báo bê tông cốt thép hình chữ nhật; kích thước 0,6x0,6; 0,5x0,7m	cái	33,00	Bắt đầu từ năm thứ 1	1 tháng
4	Củng cố bờ moong trong đất, đá phủ	m ³	2.520,00	Sau khi KTKT - Bắt đầu từ tháng thứ 2 năm thứ 13 của Dự án	3 tháng
5	Củng cố bờ moong trong đá gốc	m ³	150	Sau khi KTKT - Bắt đầu từ tháng thứ 2 năm thứ 13 của Dự án	1 tháng
6	Lắp cống thoát nước			Sau khi KTKT - Bắt đầu từ tháng thứ 2 năm thứ 13 của Dự án	1 tháng
7	Dọn dẹp đáy moong			Sau khi KTKT - Bắt đầu từ tháng thứ 2 năm thứ 13 của Dự án	1 tháng
II	Cải tạo mặt bằng nhà máy chế biến				
1	Tháo dỡ công trình dân dụng			Sau khi KTKT - Bắt đầu từ tháng thứ 1 năm thứ 13 của Dự án	1 tháng
2	Tháo dỡ, phá bỏ khu cấp liệu			Sau khi KTKT - Bắt đầu từ tháng thứ 1 năm thứ 13 của Dự án	1 tháng
3	Tháo dỡ trạm cân			Sau khi KTKT - Bắt đầu từ	1 tháng

TT	Tên công trình	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
				tháng thứ 1 năm thứ 13 của Dự án	
4	Vận chuyển khối lượng phá dỡ ra khỏi mỏ			Sau khi KTKT - Bắt đầu từ tháng thứ 2 năm thứ 13 của Dự án	1 tuần
5	San gạt, tạo mặt bằng nhà máy chế biến	m ³	16.764,5	Sau khi KTKT - Bắt đầu từ tháng thứ 2 năm thứ 13 của Dự án	1 tháng
6	Trồng cây lên toàn bộ diện tích nhà máy chế biến	cây	3.688	Sau khi KTKT - Bắt đầu từ tháng thứ 3 năm thứ 13 của Dự án	1 tháng
III	Cải tạo khu vực xung quanh				
4.1	Tu sửa tuyến đường vận chuyển	m ²	1.900	Sau khi KTKT - Bắt đầu từ tháng thứ 1 năm thứ 13 của Dự án	1 tháng

d) Kinh phí và thời gian thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường:

2.1. Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 2.302.343.000 đồng (*Hai tỷ, ba trăm lẻ hai triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng*). Trong đó, số tiền đã ký quỹ: 774.524.773 đồng (*Bảy trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn, bảy trăm bảy mươi ba đồng*). Số tiền còn lại phải ký quỹ là: 1.527.818.227 đồng (*Một tỷ, năm trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm mười tám nghìn, hai trăm hai mươi bảy đồng*). Số tiền trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Số lần ký quỹ: 12 lần.

- Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo: 127.318.186 đồng (*Một trăm hai mươi bảy triệu, ba trăm mười tám nghìn, một trăm tám mươi sáu đồng*).

- Số tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá. Việc tính toán tiền ký quỹ cho từng năm có xác định yếu tố trượt giá sẽ do Chủ dự án thực hiện và gửi cho Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Khánh Hòa để xem xét thẩm định và thông báo ký quỹ làm căn cứ để thực hiện.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Khánh Hòa.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a) Sự cố cháy nổ:

- Đảm bảo trang bị đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện và thiết bị chữa cháy theo đúng quy định,

- Ban hành nội quy yêu cầu công nhân viên làm việc tuân thủ quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ; nghiêm cấm hút thuốc hay thực hiện các hoạt động có khả năng gây ra tia lửa tại khu vực có chứa nhiên liệu, khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

b) Sự cố sạt lở bờ moong khai thác:

- Khai thác theo đúng thiết kế, thực hiện đảm bảo góc dốc sườn tầng khai thác, sườn tầng kết thúc, các thông số của hệ thống khai thác đã được phê duyệt.

- Thường xuyên quan sát vách moong, bờ tầng để phát hiện các vết nứt, khe nứt lớn, đá treo, nếu có phải xử lý an toàn tránh nguy cơ sạt lở bờ moong.

- Khi có sự cố xảy ra, lập tức dừng mọi hoạt động khai thác, báo động sự cố cho toàn mỏ. Tập trung toàn bộ lao động và thiết bị để ứng cứu sự cố. Di dời lao động và thiết bị ra vùng an toàn, tìm hiểu nguyên nhân gây ra sự cố để khắc phục. Báo cáo kịp thời sự cố cho cơ quan chức năng địa phương để có phương án hỗ trợ giải quyết.

- Tập huấn cho lao động về các công tác ứng cứu khi có sự cố xảy ra.

- Định kỳ tiến hành quan trắc địa bờ mỏ, quan trắc bề mặt để xác định các thông số dịch chuyển đất đá và dự báo các nguy cơ sạt lở trên bờ mỏ để nhanh chóng có biện pháp ứng phó.

c) An toàn nổ mìn:

- Đảm bảo an toàn nổ mìn theo QCVN 01:2009/BCT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ và các quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan.

- Thực hiện công tác nổ mìn và đảm bảo công tác an toàn nổ mìn theo Phương án nổ mìn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp các mỏ lân cận để lập kế hoạch nổ mìn và trao đổi lịch nổ mìn phù hợp, đảm bảo an toàn, hiệu quả; bố trí giám đốc điều hành phụ trách công tác nổ mìn theo quy định.

- Thông báo với địa phương và các cơ sở, hộ dân xung quanh trước khi tiến hành nổ mìn để đảm bảo không có người trong khu vực nguy hiểm.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân viên.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

Chủ Dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường theo Văn bản số 03.09/CTyĐPH ngày 03/9/2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Đại Phú Hào, cụ thể như sau:

5.1. Chương trình giám sát chất lượng môi trường không khí:

- Vị trí giám sát: 03 vị trí.

+ Vị trí 1: tại ranh giới đầu hướng gió của khu chế biến.

+ Vị trí 2: tại ranh giới cuối hướng gió của khu chế biến.

+ Vị trí 03 (KK3): tại trước nhà dân cách mặt bằng sân công nghiệp 200m, nằm dọc tuyến đường vận chuyển từ khu chế biến ra Quốc Lộ 1A.

- Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đến hết ngày 31/12/2025) và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (kể từ ngày 01/01/2026).

5.2. Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.3. Chương trình giám sát bờ moong:

Cử cán bộ theo dõi nguy cơ xảy ra các sự cố trượt, sụt, lở đất đá. Quá trình này được ghi trong sổ nhật ký theo dõi của bộ phận quản lý mỏ để theo dõi sự biến động theo không gian và thời gian để Chủ dự án có biện pháp khắc phục các tác động do sự cố gây ra.

5.4. Chương trình giám sát chấn động do nổ mìn:

Thực hiện giám sát nổ mìn theo QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Tổ chức khai thác đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất và các thông số hệ thống khai thác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến an toàn, sử dụng vật liệu nổ, quản lý chất thải và xả thải, nhằm bảo đảm an toàn đối với cộng đồng dân cư, máy móc, thiết bị, các công trình xây dựng xung quanh khu vực mỏ trong quá trình khai thác.

- Lập và thực hiện kế hoạch, phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố thiên tai, cháy nổ, sự cố môi trường hàng năm (đá lăn, đá văng, trượt lở, sụt lún, sạt lở bờ mỏ, bãi thải) nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ và môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động khai thác và sau khi kết thúc đóng cửa mỏ. Khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng sụt lún, sạt lở, trôi lấp đất đá, mất an toàn khi nổ mìn phải dừng ngay hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nêu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường.

- Hoạt động khai thác, chế biến, vận chuyển đá và phục hồi môi trường phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung được quy định tại các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, tiếng ồn, độ rung.

- Tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt thiết kế mỏ và thiết kế các hạng mục công trình của Dự án; tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, đá lăn, đá văng trong khu vực khai thác và các tuyến đường vận chuyển nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm, thông báo công nhân và dân cư xung quanh mỏ thời gian, kế hoạch nổ mìn và các hoạt động có nguy cơ rủi ro cao khác.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện việc ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường; chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh, trật tự; thường xuyên theo dõi, đánh giá, đảm bảo an toàn đối với các hộ dân gần khu vực triển khai Dự án; kịp thời xử lý đảm bảo an toàn và tránh thiệt hại về người và tài sản của hộ dân khu vực trong quá trình triển khai Dự án, người và phương tiện tham gia giao thông trên tuyến đường vận chuyển nối từ khu vực thực hiện Dự án ra QL 1A.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư và thực hiện nghiêm túc các quy định về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được phê duyệt.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.
